KẾ HOẠCH PHÂN BỔ CÁC MÔN HỌC, MÔ-ĐUN CHO TỪNG HỌC KỲ

Trình độ đào tạo: Trung cấp
Tên ngành: Công nghệ may

Mã ngành: 5540204

HỌC KỲ 1 (15 Tín chỉ)

- Tiếng Anh MH2072400, 3(0,3)
- Tin học MH2101201, 2(1,1)
- Pháp luật MH2108103,1(1,0)
- An toàn lao động MH2106043, 2(2,0)
- Thiết bị may MĐ2062401, 2(1,1)
- Thực hành kỹ thuật may cơ bản MĐ2062404, 3(0,3)
- Cơ sở thiết kế TP MH2062403, 2(1,1)

HỌC KỲ 2 (17 Tín chỉ)

- GD Chính trị MH2108019, 2(2,0)
- GD Thể chất MH2109105, 1(0,1,1)
- Vẽ mỹ thuật TP MĐ2062400, 4(1,3)
- Vẽ KT ngành may MH2062402, 2(1,1)
- Thiết kế trang phục nữ MH2062408, 3(3,0)
- GD QP&AN MH2109020, 2(1,1)
- KT cắt may TP nam MĐ2062407, 3(1,2)

HỌC KỲ 3 (19 Tín chỉ)

- Thiết kế rập MĐ2062406, 3(1,2)
- Anh văn CN may MH2062203, 4(4,0)
- Nhảy mẫu và GSĐ MĐ2062413, 3(1,2)
- Thực tập cắt may trang phục nữ MĐ2062409, 3(0,3)
- QL chất lượng TP MH2062201, 2(2,0)
- Công nghệ SX MH2062405, 4(3,1)

HỌC KỲ 4 (15 Tín chỉ)

- TT. tốt nghiệp MĐ2062109, 6(0,6)

Môn học tự chọn (3TC)

- Kỹ thuật cắt may áo dài MĐ2062410, 3(1,2)
- Đồ họa trang phục (corel draw) MĐ2062411, 3(1,2)
- Fashion marketing MH2062412, 3(1,2)

Tự chọn (6TC)

- Khóa luận TN MĐ2062113, 6TC
- Kỹ thuật cắt may áo jacket MĐ2062115, 3(1,2)
- Thiết kế phụ kiện thời trang MĐ2062114, 3(1,2)